

Số: 933 /TM-VNLMT

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2025

THƯ MỜI

V/v báo giá vật tư, hóa chất thuộc nhiệm vụ Hợp phần 2: “Nghiên cứu, đánh giá sự hiện diện và ô nhiễm vi nhựa (Microplastics) trong trầm tích khu vực phía Bắc - Việt Nam”, mã số TĐĐGVN.02/24-26

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp vật tư hóa chất

Căn cứ Quyết định số 1394/QĐ-VHL ngày 30/6/2023 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc phê duyệt triển khai Hợp phần số 2 “Nghiên cứu, đánh giá sự hiện diện và ô nhiễm vi nhựa (microplastics) trong trầm tích khu vực phía Bắc - Việt Nam”, mã số: TĐĐGVN.02/24-26;

Căn cứ Quyết định số 2950/QĐ-VHL ngày 29/12/2023 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc điều chỉnh đơn vị chủ trì và đơn vị quản lý kinh phí các nhiệm vụ;

Căn cứ vào Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ Hợp phần 2: “Nghiên cứu, đánh giá sự hiện diện và ô nhiễm vi nhựa (microplastics) trong trầm tích khu vực phía Bắc - Việt Nam”, mã số: TĐĐGVN.02/24-26;

Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường kính mời các đơn vị cung cấp vật tư hóa chất gửi báo giá cho Viện đối với danh mục vật tư, hóa chất được nêu trong Phụ lục kèm theo Thư mời này.

Báo giá danh mục vật tư hóa chất gửi cho chúng tôi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp về địa chỉ như sau:

Địa chỉ: Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường, 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, TP. Hà Nội.

SĐT: 02437569136.

Email: vanthu@istee.vast.vn

Thời gian nhận báo giá: trước ngày 15/12/2025.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, R&D (NA.05)

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh



PHỤ LỤC

(Kèm theo Thư mời số 93/TM-VNLMT ngày 05/12/2025)

TT	Tên vật tư hóa chất	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
I	Vật liệu, dụng cụ, phụ tùng thí nghiệm			
1	Giấy nhôm	- Kích thước 30cm x 5m	cuộn	17
2	Giấy Parafilm M	- Chiều dài: 125 ft (38m) - Chiều ngang: 4 in (10cm)	cuộn	17
3	Ống đong thủy tinh 50ml	- Dung tích: 50ml - Độ chính xác: 0,5ml	cái	35
4	Màng lọc sợi thủy tinh, 1.2µm, 47mm, hộp 100 tờ	- Đường kính: 47 mm kích thước lỗ lọc 1.2 µm - Đóng gói: 100 cái	hộp	10
5	Thimble chiết 43 x 123mm, hộp 25 cái	- Chất liệu: Cellulose - Đường kính trong: 43mm - Chiều dài: 123mm - Đóng gói: hộp 25 cái	hộp	4
6	Đũa thủy tinh 6mm , 30cm	- Chất liệu thủy tinh - Đường kính 6 mm - Dài 30cm	cái	15
7	Glass Wool, Silanized	- Bông thủy tinh được silan hóa - Thích hợp cho kỹ thuật sắc ký khí - Đóng gói: 50g	hộp	4
8	Găng tay Nitrile	Găng tay nitrile không bột, 50 đôi/ hộp	hộp	40
9	Đĩa petri TT 60x15mm	- chất liệu thủy tinh - Đường kính: 60mm - Chiều cao: 15mm	cái	100
10	Bình tam giác, có nhánh hút CK 2000ml	- Chất liệu thủy tinh, dung tích: 2000mL - Đường kính ống nối: 11mm	cái	8
11	Pipette (ống hút) thủy tinh thẳng 20 ml	- Chất liệu thủy tinh - có chia vạch, loại AS. - Dung tích: 20ml	cái	8
12	Pipette (ống hút) thủy tinh thẳng 10 ml	- Chất liệu thủy tinh - có chia vạch, loại AS. - Dung tích: 10ml	cái	8
13	Pipette (ống hút) thủy tinh thẳng 5 ml	- Chất liệu thủy tinh - có chia vạch, loại AS. - Dung tích: 5ml	cái	8
14	Pipette (ống hút) thủy tinh thẳng 2 ml	- Chất liệu thủy tinh - có chia vạch, loại AS. - Dung tích: 2ml	cái	8
15	Pipette (ống hút) thủy tinh thẳng 1 ml	- Chất liệu thủy tinh - có chia vạch, loại AS. - Dung tích: 2ml	cái	8
16	Ống đong thủy tinh	- Ống đong thủy tinh, dung tích:	Cái	35



	1000ml	1000ml - Độ chính xác: 5ml, có chia vạch		
17	Ống đong thủy tinh 100ml	- Ống đong thủy tinh, dung tích: 100ml - Độ chính xác: 0.5ml, có chia vạch	Chiếc	35
18	Ống đong thủy tinh 10ml	- Ống đong dung tích: 10ml - Độ chính xác: 0.1ml - Vạch chia: 0.2ml	chiếc	35
19	Chai trung tính nâu 250ml, nắp vặn	- Chai thủy tinh, màu hổ phách đồng nhất - Dung tích: 250mL	chiếc	35
20	Chai trung tính nâu 500ml, nắp vặn	- Chai thủy tinh, màu hổ phách đồng nhất - Dung tích: 500mL	chiếc	25
21	Chai trung tính nâu, 1000ml, nắp vặn	- Chai trung tính, màu hổ phách đồng nhất - Dung tích: 1000mL	chiếc	25
22	Chai trung tính nâu 2000 ml, nắp vặn	- Chai thủy tinh, màu hổ phách đồng nhất - Dung tích: 2000mL	chiếc	20
23	Khí He	Độ tinh khiết: $\geq 99,99\%$	Bình	23
24	Khí N ₂	Độ tinh khiết: $\geq 99,99\%$	Bình	35
25	Khí Argon	Độ tinh khiết: 99.0%	Bình	45
26	Cốc đốt kẻ độ thấp thành 250ml	Chất liệu thủy tinh, có chia vạch, độ bền cao, chịu nhiệt. Dung tích: 250ml	chiếc	45
27	Cốc đốt kẻ độ thấp thành 600 ml	Chất liệu thủy tinh, có chia vạch, độ bền cao. Dung tích: 600ml	chiếc	45
31	Vial 1,5mL for GC-MS	AsmKit AmbWrtVial Grn PTFE/Si/PTFE 100pk	Hộp	1
32	Ferrule, 0.4 mm VG 0.1-0.25 col 10/PK	Ferrule, 0.4mm VG cond .25 col 10/PK	Hộp	1
33	Ferrule, 0.4 mm VG 0.1-0.25 col 10/PK	Ferrule, 0.4mm VG 0.1-0.25 col 10/PK	Hộp	1
34	CFT Ferrule, Flexi, Gold 0.10-0.25mm ID col 10/PK	CFT Ferrule Flex Gold 0.25mm ID Col 10PK	Hộp	1
35	Filament for GCMS models 5972-5973-5975-5977	Filament, high temperature EI for GCMS	Cái	1
36	Ultra Inert Liner Splitless, Sngl tpr, Wool 5 pk	Liner, UI, splitless, single taper, GW, 5/pk	Hộp	1
37	Lnr, gen purp split/spltls, tpr, GW, 5/PK	Lnr, gen purp split/spltls, tpr, GW, 5/PK	Bịch	1
38	Gold Plated Inlet Sea with Washer	Gold Plated Inlet Seal with Washer	Cái	1
39	Inlet septa, 11 mm, Non-	CL BTO inlet septa 11mm 100pk	Túi	1

	stick BTO, 100/pk			
40	Column nut, universal 2/PK	Column nut, universal 2/PK	Túi	1
41	Column nut fitting	Column Nut for MS interface	Cái	1
42	Non-stick liner O-Ring 10/PK	Liner O-Ring, Non-Stick 10PK	Hộp	1
43	Syringe 10ul PTFE TPI 23-26/42	Syringe, 10ul PTFE tip, FN 23-26/42/HP	Hộp	1
44	Bình tam giác cổ mài 29/32	Chất liệu thủy tinh, cổ mài, có chia vạch, chịu nhiệt, dung tích 250ml chưa có nút Duran	Chai	8
45	Bình định mức 250ml. A. 14/23 nút nhựa Schott - Đức	Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, có nút nhựa PE. Đường kính: 80mm, chiều cao: 220mm, dung tích: 250ml	Chiếc	8
46	Bình định mức class A. nút nhựa. chữ trắng- 500ml Duran	Chất liệu: Thủy tinh, có nắp nhựa Dung tích: 500ml Chiều cao: 260mm Đường kính: 100mm	Chiếc	8
47	Bình tam giác MH 500ml Duran	Chất liệu: Thủy tinh Dung tích: 500ml Đường kính đáy: 105mm Đường kính cổ: 34mm Chiều cao: 180mm	chiếc	8
48	Bình tam giác MH 1000ml Duran	Chất liệu thủy tinh Dung tích: 1000ml Đường kính đáy: 131mm Đường kính cổ: 42mm Chiều cao: 220mm	chiếc	8
49	Bình cầu đáy tròn. nhám 24/29 250ml Duran	Chất liệu: Thủy tinh Dung tích: 250ml Cổ nhám NS: 24/29 Đường kính: 85mm Chiều cao: 140mm Bình cầu có đáy bằng, cổ nhám	chiếc	8
50	Phễu thủy tinh 300mm Duran Đức	Chất liệu: thủy tinh	chiếc	8
51	Phễu thủy tinh 100mm Duran Đức	Chất liệu: thủy tinh	chiếc	9
52	Phễu thủy tinh 55mm Duran Đức	Chất liệu: thủy tinh	chiếc	9
53	Bình tia nhựa 500ml MR cho nước cất Azlon. Scilabware-Anh	Chất liệu: nhựa HDPE	chiếc	9
55	Cốc đót kẻ độ thấp thành 100ml	Chất liệu thủy tinh Dung tích: 100ml Đường kính ngoài: 50mm Chiều cao: 70mm	chiếc	45
56	Bình cô quay chân không	Hình quả lê, có nhám, có chia	chiếc	9

	hình quả lê có nhám 100ml N29/32 Duran - Đức	vạch, độ bền cao, có dung tích 100 ml		
57	Bình quả lê 10ml N14/23 Duran - Đức	Bình quả lê, có nhám, có chia vạch, dung tích 10 ml	chiếc	9
58	Bình quả lê 25ml N14/23 Duran	Bình quả lê, có nhám, có chia vạch, dung tích 25 ml	chiếc	9
59	Bình quả lê 50ml N14/23 Duran	Bình quả lê, có nhám, có chia vạch, dung tích 50 ml	chiếc	7
60	Bình quả lê 100ml N14/23 Duran	Bình quả lê, có nhám, có chia vạch, dung tích 100 ml	chiếc	7
61	Microliter Syringe Waters	Dung tích 10 μ L	chiếc	1
62	Microliter Syringe Waters	Dung tích 25 μ L	chiếc	1
63	Microliter Syringe Waters	Dung tích 50 μ L	chiếc	1
64	Microliter Syringe Waters	Dung tích 100 μ L	chiếc	1
65	Microliter Syringe Waters	Dung tích 500 μ L	chiếc	1
II Hóa chất tiêu hao				
1	Potassium hydroxide KOH	- Độ tinh khiết: $\geq 85.0 \%$ - Lọ 500g	500g	9
2	Sodium chloride NaCl	- Độ tinh khiết: $\geq 99.5 \%$ - Chai 1kg	1kg	21
3	Hydrogen peroxide 30% H ₂ O ₂	- Nồng độ: 30% - Chai 1L	1L	19
4	Zinc chloride ZnCl ₂	- Độ tinh khiết: $\geq 97\%$ - Lọ 1000g	1kg	1
5	Nitric acid 65% HNO ₃	- Độ tinh khiết: 65% - Chai 1L	1L	4
6	Sodium iodide NaI	- Tinh khiết phân tích - Lọ 1000g	1 kg	3
7	Sodium bromide NaBr	- Độ tinh khiết: $\geq 99\%$ - Lọ 500 g	lọ 500g	1
8	Zinc Bromide ZnBr ₂	- Độ tinh khiết: $\geq 98.0 \%$ - Lọ 50g	Lọ 50g	2
9	Copper Cu - 1000 mg/l in HNO ₃ for ICP	- Nồng độ Cu: 1000mg/L - Nồng độ HNO ₃ : 2% - Lọ 100mL	100ml	2
10	Mercury Hg - 1000 mg/l in HNO ₃ for ICP	- Nồng độ Hg: 1000mg/L - Nồng độ HNO ₃ : 2% - Lọ 100mL	100ml	2
11	Cadmium Cd - 1000 mg/l in HNO ₃ for ICP	- Nồng độ Cd: 1000mg/L - Nồng độ HNO ₃ : 2% - Lọ 100mL	100ml	2
12	Arsenic As - 1000 mg/l in HNO ₃ for ICP	- Nồng độ As: 1000mg/L - Nồng độ HNO ₃ : 2% - Lọ 100mL	100ml	2
13	Chromium Cr - 10 g/l in HCl for ICP	- Nồng độ Cr: 10000mg/L - Nồng độ HCl: 5% - Lọ 100mL	100ml	2
14	Lead Pb - 10 g/l in HNO ₃ for ICP	- Nồng độ Pb: 10000mg/L - Nồng độ HNO ₃ : 5%	100ml	2

		- Lọ 100mL		
15	Manganese Mn - 10 g/l in HCl for ICP	- Nồng độ Mn: 10000mg/L - Nồng độ HCl: 5% - Lọ 100mL	100ml	2
16	Nickel Ni - 10 g/l in HNO3 for ICP	- Nồng độ Ni: 10000mg/L - Nồng độ HNO3: 5% - Lọ 100mL	100ml	2
17	Zinc Zn - 10 g/l in HCl for ICP	- Nồng độ Zn: 10000mg/L - Nồng độ HCl: 5% - Lọ 100mL	100ml	2
18	ICP-MS Internal Standard Mixed	- Nồng độ: 10 µg/mL in 2-5% Nitric Acid	100ml	2
34	Acrylonitrile	Purity >=98%	1mL	4
35	Epichlorohydrin	Purity >=98%	1mL	4
60	Nitrobenzene-d5	N-12661-1G	1mL	4
62	Acenaphthene-d10	Purity >=98%	1 mL	2
63	Chrysene-d12	Purity >=98%	1 mL	3
66	Perylene-d12	Purity >=98%	1mL	3
67	Phenanthrene-d10	Purity >=98%	1mL	3
83	Methylene chloride	Dạng: chất lỏng , không màu, bay hơi nhanh Quy cách: Chai 4 lít	4 Lít/ chai	9
84	Hexane	Dạng: chất lỏng , không màu Quy cách: Chai 4 lít	4 Lít/ chai	9
85	Actone	Dạng: chất lỏng , không màu Quy cách: Chai 4 lít	4 Lít/ chai	9
86	2-Propanol	Dạng: chất lỏng, không màu Quy cách: Chai 1 lít	1 Lít/ chai	1
88	Acetonitrile	Dạng: chất lỏng, không màu Quy cách: Chai 4 lít	4 Lít/ chai	9
89	Methanol	Dạng: chất lỏng nhẹ, không màu, dễ bay hơi, dễ cháy Quy cách: Chai 4 lít	4 Lít/ chai	9
93	Sulfuric acid - H2SO4	Dạng: chất lỏng sánh như dầu, không màu không bay hơi, không mùi Quy cách: Chai 1 lít	1 lít/ chai	9
94	Sodium sulfate - Na2SO4	Dạng: tinh thể rắn màu trắng, không mùi, dễ hút ẩm, tan trong nước. Quy cách: Lọ 500g	500g/chai	9
95	Sodium hydroxide - NaOH	Dạng: chất rắn, màu trắng, không mùi Quy cách: Lọ 1kg	1 kg/chai	1

